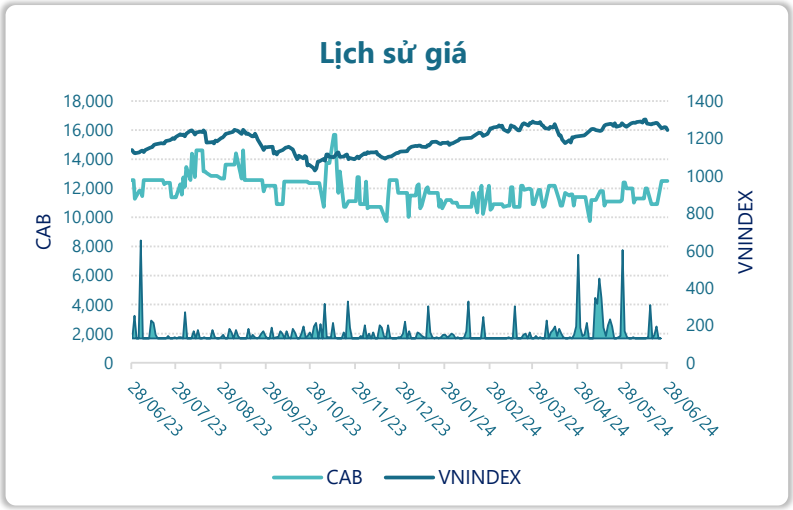
FireAnt

CTCP Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (UPCOM: CAB)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,680
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,739
SL cổ phiếu LH	45,745,876
KLGD BQ 20 phiên (CP)	670
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	572
P/E	225.8
EPS	55

DT thuần

Q2/24

486

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 57.0| 13.3%

YoY: ▼40.0| -7.6%

LN sau thuế

Q2/24

-1.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.03| -233%

YoY: ▼7.68| -118%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

0.7%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

6T 2024

915

tỷ VNĐ

YoY: ▼98.0| -9.6%

LN sau thuế

6T 2024

-0.28

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.97| -104%

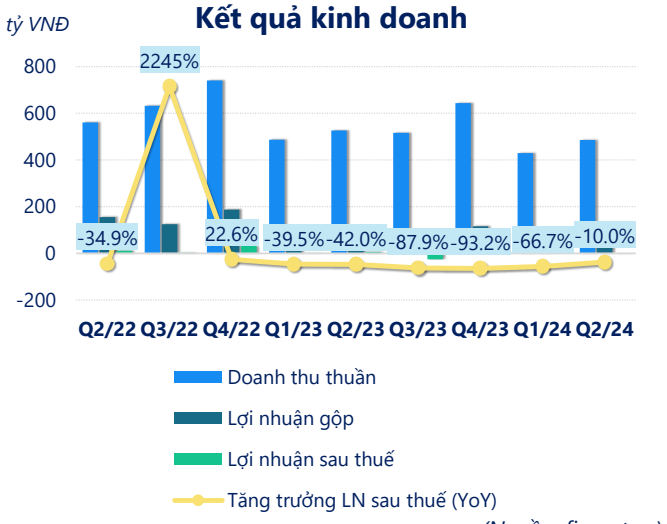
ROE

Q2/24

0.4%

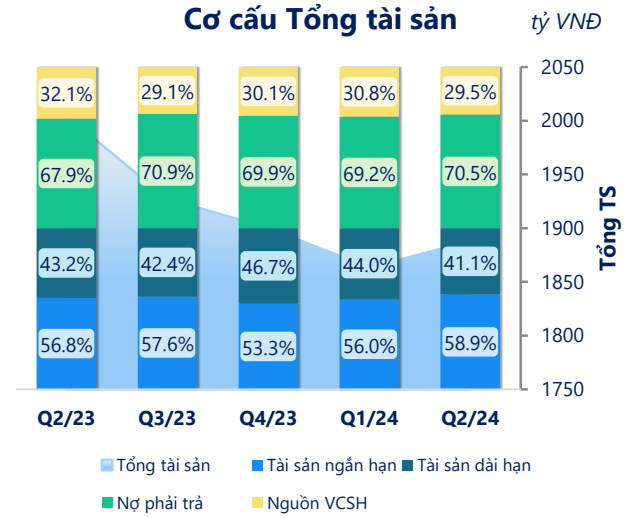
+/- YoY: ▼ 6.0%

Kết quả kinh doanh



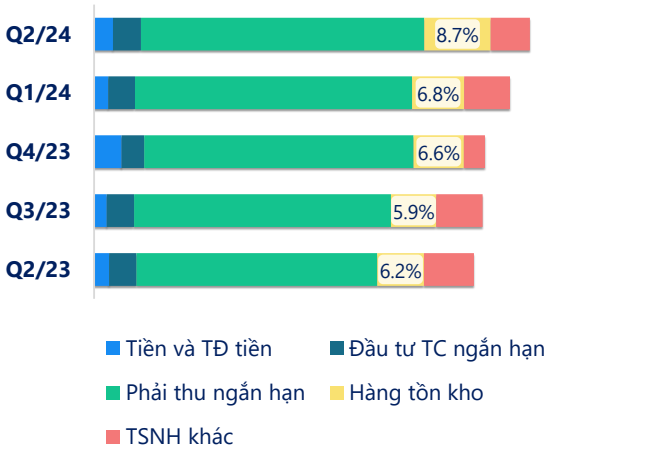
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



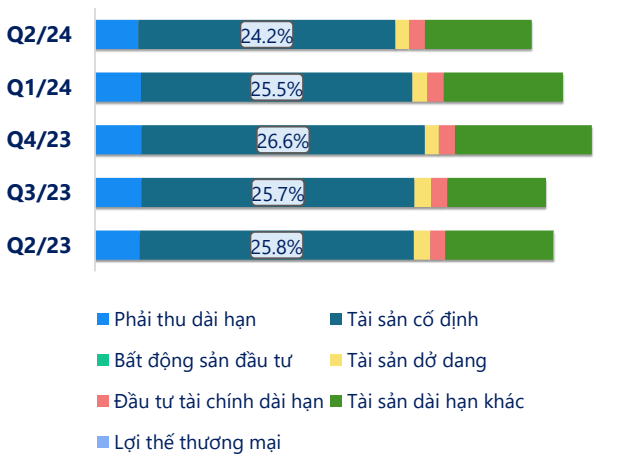
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



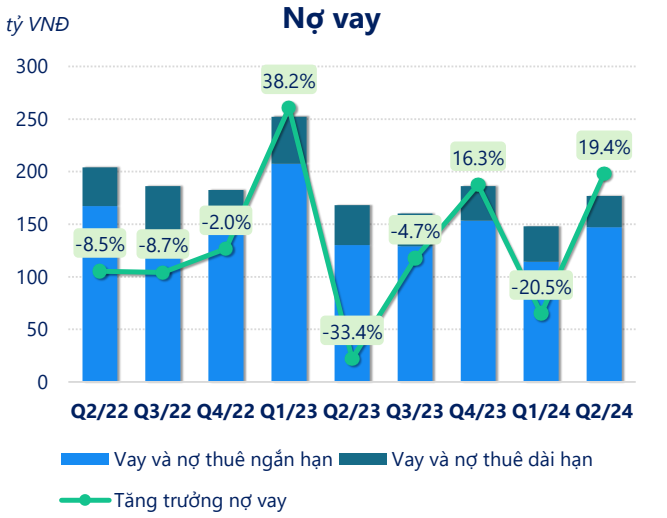
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



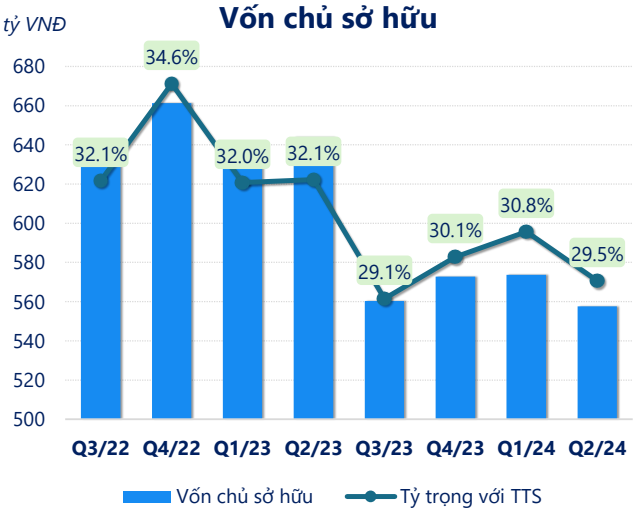
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



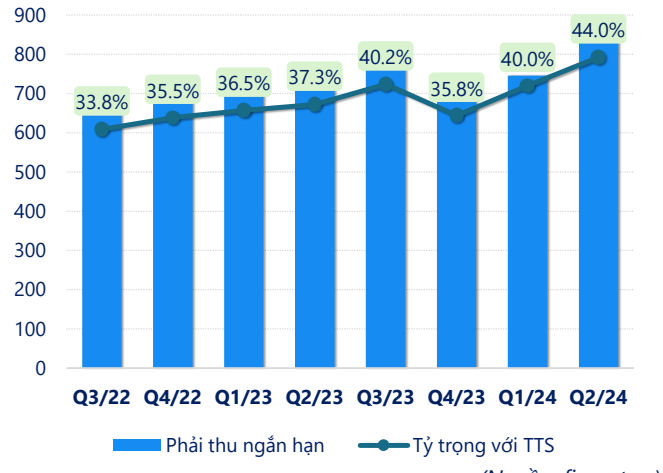
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



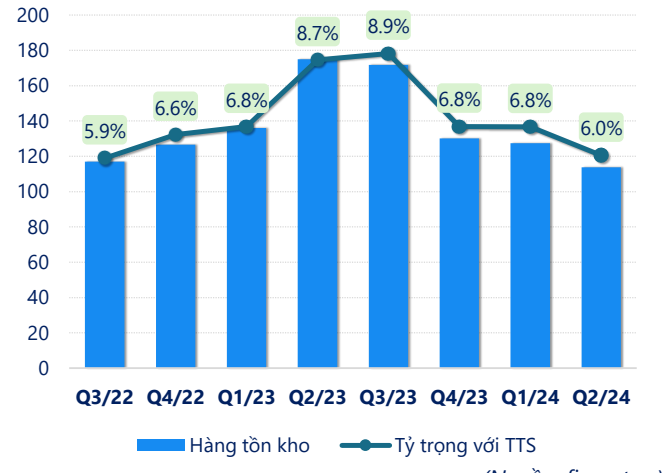
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



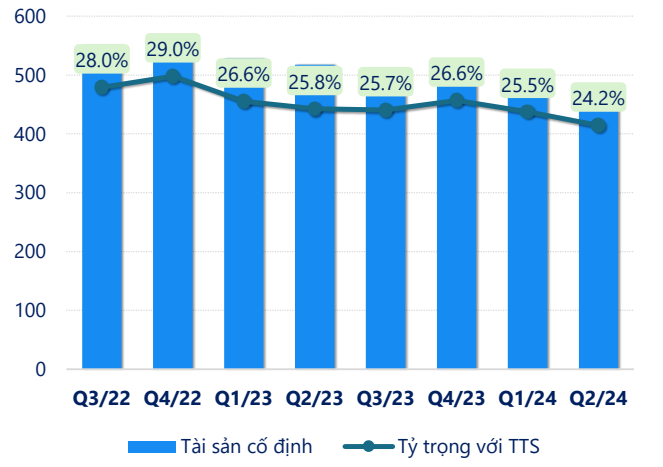
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



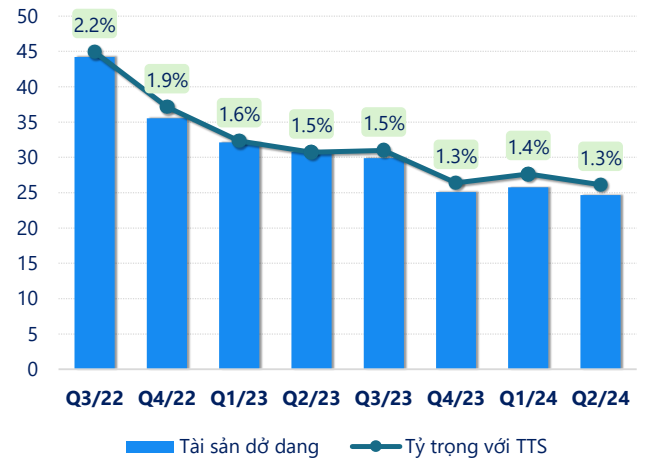
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



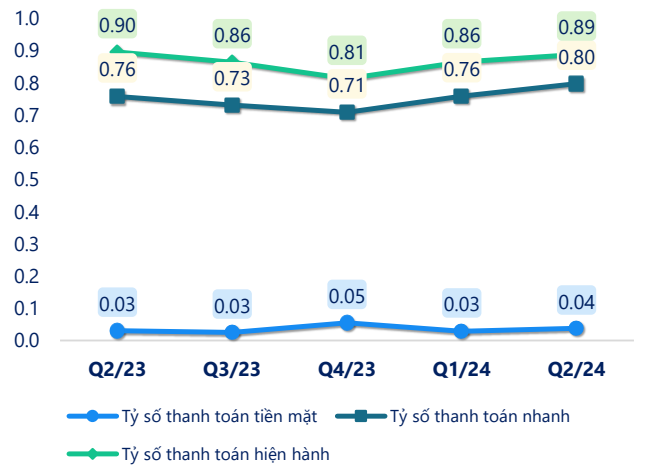
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



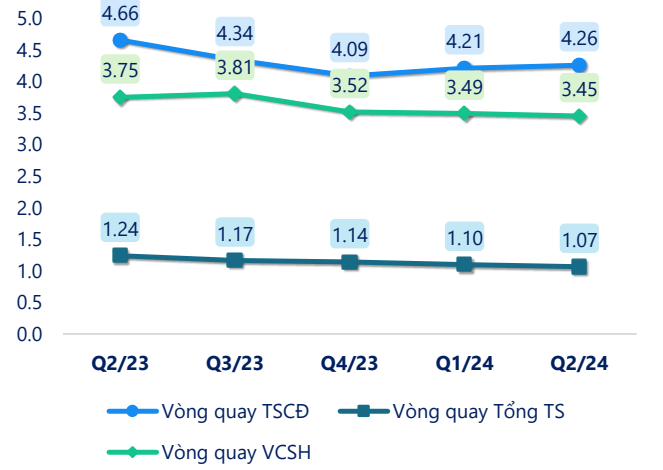
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,005**	**1,927**	**1,900**	**1,863**	**1,888**
Tài sản ngắn hạn	**1,140**	**1,110**	**1,013**	**1,043**	**1,113**
Tiền và tương đương tiền	39.3	32.2	68.5	34.4	47.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.5	61.8	62.5	63.5	65.0
Phải thu ngắn hạn	748	775	680	745	831
Hàng tồn kho	175	172	130	127	114
Tài sản ngắn hạn khác	104	69.9	72.2	72.7	55.7
Tài sản dài hạn	**865**	**817**	**888**	**820**	**775**
Phải thu dài hạn	83.9	84.1	82.9	80.6	76.8
Tài sản cố định	517	495	506	476	456
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	30.8	29.9	25.1	25.8	24.7
Đầu tư tài chính dài hạn	27.8	29.2	28.8	28.6	28.0
Tài sản dài hạn khác	204	179	244	209	189
Lợi thế thương mại	0.94	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,361**	**1,367**	**1,328**	**1,290**	**1,330**
Nợ ngắn hạn	**1,272**	**1,284**	**1,246**	**1,207**	**1,253**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	130	129	153	114	147
Phải trả người bán ngắn hạn	616	606	609	594	596
Nợ dài hạn	88.8	82.7	81.8	82.7	77.8
Vay và nợ thuê dài hạn	37.9	31.2	32.8	33.8	29.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**644**	**560**	**573**	**574**	**558**
Vốn chủ sở hữu	**644**	**560**	**573**	**574**	**558**
Vốn điều lệ	457	457	457	457	457
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)